



# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 02 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 03638795

Mã TTV: 5058

Số CT: 60551

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT<br>(No)   | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Thành tiền<br>(Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1   | Phí dịch vụ ngân hàng                  | 20.000                 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)                         |  | 20.000                 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%                              | Tiền thuế GTGT (VAT amount)            | 2.000                  |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)         |  | 22.000                 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./ |  |                        |
| Ghi chú (Remarks): TT HD SO 092-CTY NAM TUOI                |  |                        |

### NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

### NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 03 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 03739971

Mã TTV: 5058

Số CT: 82530

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT<br>(No)   | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Thành tiền<br>(Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1   | Phí dịch vụ ngân hàng                  | 20.000                 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)                         |  | 20.000                 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%                              | Tiền thuế GTGT (VAT amount)            | 2.000                  |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)         |  | 22.000                 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./ |  |                        |
| Ghi chú (Remarks): CHUYEN KHOAN NOI BO                      |  |                        |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ  
Ngày (date) 04 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 03886389

Mã TTV: 5058

Số CT: 74664

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT<br>(No)   | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Thành tiền<br>(Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1   | Phí dịch vụ ngân hàng                  | 20.000                 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)                         |  | 20.000                 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%                              | Tiền thuế GTGT (VAT amount)            | 2.000                  |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)         |  | 22.000                 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./ |  |                        |
| Ghi chú (Remarks): CTY RUT TIEN NHAP QUY TIEN MAT           |  |                        |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 05 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00293559

Mã TTV: 4

Số CT: 50

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUOC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT<br>(No)   | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Thành tiền<br>(Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1   | Phí dịch vụ ngân hàng                  | 131.719                |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)   |  | 131.719                |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%  | Tiền thuế GTGT (VAT amount)            | 13.172                 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)   |  | 144.891                |
| Số tiền bằng chữ (In words) Một trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm chín mươi một đồng chẵn ./ |  |                        |
| Ghi chú (Remarks): CHUYEN KHOANTHU PHI CHUYEN TIEN THEO GNN 53                              |  |                        |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

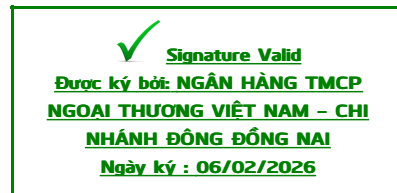
(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 05 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00301322

Mã TTV: 5087

Số CT: 46817

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT<br>(No)   | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Thành tiền<br>(Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1   | Phí dịch vụ ngân hàng                  | 719.000                |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)   |  | 719.000                |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%  | Tiền thuế GTGT (VAT amount)            | 71.900                 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)                         |  | 790.900                |
| Số tiền bằng chữ (In words) Bảy trăm chín mươi nghìn chín trăm đồng chẵn ./ |  |                        |
| Ghi chú (Remarks): IBVCB.202602055087002685.                                |  |                        |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

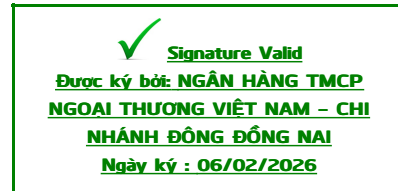
(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ  
Ngày (date) 06 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 04130359

Mã TTV: 5058

Số CT: 54793

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUOC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT<br>(No)  | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Thành tiền<br>(Amount) |
|--|--|------------------------|
| 1  | Phí dịch vụ ngân hàng                  | 20.000                 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)  |  | 20.000                 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%   | Tiền thuế GTGT (VAT amount)            | 2.000                  |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)  |  | 22.000                 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./                                |  |                        |
| Ghi chú (Remarks): CTY NGOC THOM 0309391503 mã A210106 TCMC-PHI KIEM NGHIEM OOLU2313925450 |  |                        |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ  
Ngày (date) 06 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00302289

Mã TTV: 4

Số CT: 71

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUODUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT<br>(No)  | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Thành tiền<br>(Amount) |
|--|--|------------------------|
| 1  | Phí dịch vụ ngân hàng                  | 10.000                 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)                            |  | 10.000                 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%                                 | Tiền thuế GTGT (VAT amount)            | 1.000                  |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)            |  | 11.000                 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Mười một nghìn đồng chẵn ./        |  |                        |
| Ghi chú (Remarks): CHUYEN KHOANTHU PHI CHUYEN TIEN THEO GNN 54 |  |                        |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH KỶ ĐỒNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-072

Địa chỉ (Address): 13-13 Bis Kỳ Đồng, Phường Nhiều Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 07 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00113695

Mã TTV: 9915

Số CT: 47239

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUODUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT<br>(No)   | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Thành tiền<br>(Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1   | Phí dịch vụ ngân hàng                  | 50.000                 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)   |  | 50.000                 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%  | Tiền thuế GTGT (VAT amount)            | 5.000                  |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)   |  | 55.000                 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Năm mươi lăm nghìn đồng chẵn ./                                       |  |                        |
| Ghi chú (Remarks): THU PHI DỊCH VỤ SMS CHU ĐONG THANG 01/2026. SDT: 0917823679. So tien 55000 VND |  |                        |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 07 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00310203

Mã TTV: 9915

Số CT: 5522

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT<br>(No)   | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Thành tiền<br>(Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1   | Phí dịch vụ ngân hàng                  | 50.000                 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)   |  | 50.000                 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%  | Tiền thuế GTGT (VAT amount)            | 5.000                  |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)   |  | 55.000                 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Năm mươi lăm nghìn đồng chẵn ./                                       |  |                        |
| Ghi chú (Remarks): THU PHI DỊCH VỤ SMS CHU ĐONG THANG 01/2026. SDT: 0917823679. Số tiền 55000 VND |  |                        |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 07 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 04236834

Mã TTV: 5058

Số CT: 80500

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT<br>(No)   | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Thành tiền<br>(Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1   | Phí dịch vụ ngân hàng                  | 20.000                 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)                         |  | 20.000                 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%                              | Tiền thuế GTGT (VAT amount)            | 2.000                  |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)         |  | 22.000                 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./ |  |                        |
| Ghi chú (Remarks): TT HD SO 26-CTY VAN PHONG                |  |                        |

### NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

### NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 07 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 04308919

Mã TTV: 5058

Số CT: 77779

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT<br>(No)   | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Thành tiền<br>(Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1   | Phí dịch vụ ngân hàng                  | 20.000                 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)                         |  | 20.000                 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%                              | Tiền thuế GTGT (VAT amount)            | 2.000                  |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)         |  | 22.000                 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./ |  |                        |
| Ghi chú (Remarks): TT HD SO 603 VA 394-CTY QUANG MINH       |  |                        |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 07 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 04313019

Mã TTV: 5058

Số CT: 80947

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT<br>(No)   | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Thành tiền<br>(Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1   | Phí dịch vụ ngân hàng                  | 20.000                 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)                         |  | 20.000                 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%                              | Tiền thuế GTGT (VAT amount)            | 2.000                  |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)         |  | 22.000                 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./ |  |                        |
| Ghi chú (Remarks): THANH TOAN TIEN HANG -CTY XOP VIET LONG  |  |                        |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ  
Ngày (date) 09 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA  
Số (No): 04650446  
Mã TTV: 5058  
Số CT: 19616

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT<br>(No)   | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Thành tiền<br>(Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1   | Phí dịch vụ ngân hàng                  | 20.000                 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)                         |  | 20.000                 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%                              | Tiền thuế GTGT (VAT amount)            | 2.000                  |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)         |  | 22.000                 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./ |  |                        |
| Ghi chú (Remarks): CTY RUT TIEN NHAP QUY TIEN MAT           |  |                        |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 09 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00374171

Mã TTV: 4

Số CT: 140

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUOC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT<br>(No)   | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Thành tiền<br>(Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1   | Phí dịch vụ ngân hàng                  | 1.000.000              |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)                               |  | 1.000.000              |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%                                    | Tiền thuế GTGT (VAT amount)            | 100.000                |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)               |  | 1.100.000              |
| Số tiền bằng chữ (In words) Một triệu một trăm nghìn đồng chẵn ./ |  |                        |
| Ghi chú (Remarks): CHUYEN KHOANTHU PHI CHUYEN TIEN THEO GNN 55    |  |                        |

### NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

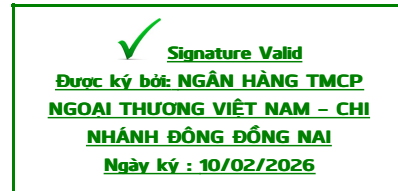
(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

### NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 10 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00384515

Mã TTV: 4

Số CT: 161

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUOC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT<br>(No)  | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Thành tiền<br>(Amount) |
|--|--|------------------------|
| 1  | Phí dịch vụ ngân hàng                  | 378.795                |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)  |  | 378.795                |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%   | Tiền thuế GTGT (VAT amount)            | 37.880                 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)                                    |  | 416.675                |
| Số tiền bằng chữ (In words) Bốn trăm mười sáu nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng chẵn ./ |  |                        |
| Ghi chú (Remarks): CHUYEN KHOANTHU PHI CHUYEN TIEN THEO GNN 56                         |  |                        |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

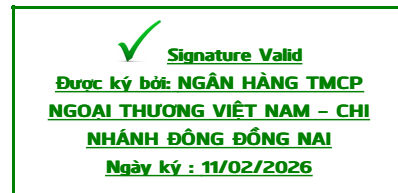
(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 13 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00410727

Mã TTV: 5087

Số CT: 10065

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUOC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT<br>(No)   | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Thành tiền<br>(Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1   | Phí dịch vụ ngân hàng                  | 716.000                |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)   |  | 716.000                |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%  | Tiền thuế GTGT (VAT amount)            | 71.600                 |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)                           |  | 787.600                |
| Số tiền bằng chữ (In words) Bảy trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm đồng chẵn ./ |  |                        |
| Ghi chú (Remarks): IBVCB.202602135087019403.                                  |  |                        |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 13 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 05539038

Mã TTV: 5058

Số CT: 61417

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT<br>(No)  | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Thành tiền<br>(Amount) |
|--|--|------------------------|
| 1  | Phí dịch vụ ngân hàng                  | 77.081                 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)  |  | 77.081                 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%   | Tiền thuế GTGT (VAT amount)            | 7.708                  |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)                                |  | 84.789                 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Tám mươi bốn nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng chẵn ./ |  |                        |
| Ghi chú (Remarks): TT HD SO 5437 VA 8776 CTY THIEN VUONG                           |  |                        |

### NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

### NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 13 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 05666766

Mã TTV: 5056

Số CT: 55856

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT<br>(No)  | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Thành tiền<br>(Amount) |
|--|--|------------------------|
| 1  | Phí dịch vụ ngân hàng                  | 7.000                  |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)                                      |  | 7.000                  |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%   | Tiền thuế GTGT (VAT amount)            | 700                    |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)                      |  | 7.700                  |
| Số tiền bằng chữ (In words) Bảy nghìn bảy trăm đồng chẵn ./              |  |                        |
| Ghi chú (Remarks): IBVCB.1302260300571002.CTY RUT TIEN NHAP QUY TIEN MAT |  |                        |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





# NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ  
Ngày (date) 14 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 05926861

Mã TTV: 5058

Số CT: 78042

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

| STT<br>(No)   | Tên hàng hóa, dịch vụ<br>(Description) | Thành tiền<br>(Amount) |
|---|--|------------------------|
| 1   | Phí dịch vụ ngân hàng                  | 20.000                 |
| Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)                         |  | 20.000                 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%                              | Tiền thuế GTGT (VAT amount)            | 2.000                  |
| Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)         |  | 22.000                 |
| Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./ |  |                        |
| Ghi chú (Remarks): THANH TOAN TIEN HANG -CTY CUOC SONG VANG |  |                        |

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)

